

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 5 năm 2026

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình;
2. Bà Kha Thị Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXX-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Xông Y D**; sinh năm 1999; số CCCD: 040199002206;

Nơi cư trú: **Bản T, xã N, tỉnh Nghệ An**; chỗ ở hiện nay: **Bản P, xã T, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Thò Bá R**; sinh năm 1996; số CCCD: 040096018645;

Nơi cư trú: **Bản T, xã N, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị **X** Y D vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Xông Y D** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Xông Y D** và anh **Thò Bá R** lấy nhau năm 2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Ngày 13/9/2021 có tiến hành đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện K, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An)**. Quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dù có cố gắng hòa giải nhưng hai bên vẫn không giải quyết được, không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và tình cảm. Chị và

anh **Thò Bá R** sống ly thân từ tháng 5/2025. Hiện nay, xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị **X Y D** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **Thò Bá R**.

Về con chung (con riêng): Chị **Xông Y D** và anh **Thò Bá R** có 03 con chung là cháu **Thò Pà N**, sinh ngày 14/01/2016, cháu **Thò Mỹ L**, sinh ngày 15/01/2018 và cháu **Thò Dang C**, sinh ngày 19/8/2021. Nay ly hôn, chị **Xông Y D** có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Xông Y D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị **Xông Y D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, qua xác minh anh **Thò Bá R** thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại bản Thăm Hín, xã N, tỉnh Nghệ An. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh **Thò Bá R** vẫn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định tại Điều 204, 207, 208 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; trong quá trình thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về hôn nhân: Cho chị **Xông Y D** và anh **Thò Bá R** được ly hôn; về con chung: Giao 03 con chung là cháu **Thò Pà N**, sinh ngày 14/01/2016; cháu **Thò Mỹ L**, sinh ngày 15/01/2018; cháu **Thò Dang C**, sinh ngày 19/8/2021 cho chị **X**

Y Dỡ nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Thò Bá R** do chị **X Y D** không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị **Xông Y D** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn chị **Xông Y D** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị **Xông Y D** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Thò Bá R** có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: **Bản T, xã N, tỉnh Nghệ An**. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị **Xông Y D** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Thò Bá R** thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không chấp hành các quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho công tác xác minh, thu thập chứng cứ. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho đương sự hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Xông Y D** và anh **Thò Bá R** kết hôn với nhau năm 2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Ngày 13/9/2021 có tiến hành đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện K, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An)**. Quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dù có cố gắng hòa giải nhưng hai bên vẫn không giải quyết được, không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và tình cảm. Chị **Xông Y D** và anh **Thò Bá R** sống ly thân từ tháng 5/2025. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữ chị **X Y D** và anh **Thò Bá R** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử cho hai người được ly hôn nhau.

[3.2] Về con chung: Chị **Xông Y D** và anh **Thò Bá R** 03 con chung là các cháu **Thò Pà N** (sinh ngày 14/01/2016), cháu **Thò Mỹ L** (sinh ngày 15/01/2018), cháu **Thò Dang C** (sinh ngày 19/8/2021). Nay ly hôn, chị **Xông Y D** có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cháu **Thò Pà N**, cháu **Thò Mỹ L** có đơn nguyện vọng xin ở với chị **Xông Y D**, hiện nay anh **Thò Bá R** thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, chỉ thỉnh thoảng về địa phương để thăm gia đình nhưng không ở lại lâu dài. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho các con cần giao 03 con chung cho chị **X** Y D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do chị **Xông Y D** không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh **Thò Bá R**. Trường hợp chị **Xông Y D** nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh **Thò Bá R** có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh **Thò Bá R** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **Xông Y D** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **Thò Bá R**.

[3.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị **Xông Y D** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị **Xông Y D** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Xông Y D**.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị **X** Y D được ly hôn với anh **Thò Bá R**.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu **Thò Pà N** (sinh ngày 14/01/2016), cháu **Thò Mỹ L** (sinh ngày 15/01/2018) và cháu **Thò Dang C** (sinh ngày 19/8/2021) cho chị **X Y D** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh **Thò Bá R** do chị **Xông Y D** không yêu cầu.

Anh **Thò Bá R** có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị **X Y D** là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh **Thò Bá R** có căn cứ chứng minh thì anh **Thò Bá R** có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh **Thò Bá R** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **Xông Y D** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **Thò Bá R**.

3. Về án phí: Chị **Xông Y D** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0000266 ngày 13/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Nghệ An (Chị **Xông Y D** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Xông Y D** và bị đơn anh **Thò Bá R** vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 12 – Nghệ An;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP. TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc